

Số: /QĐ-STNMT

Hà Tĩnh, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3589/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Số 3638/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Số 1559/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai áp dụng cho người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân; Số 2157/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực biển, hải đảo, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục 37 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 22 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường và 12 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai áp dụng cho người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân tại Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ <http://dichvucong.hatinh.gov.vn> hoặc Chuyên mục Dịch vụ Công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử của Sở, địa chỉ <http://sotnmt.hatinh.gov.vn> (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Văn phòng Sở, Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử của Sở có trách nhiệm cập nhật, thông báo rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân được biết để áp dụng. Các phòng, đơn vị trực thuộc, cán bộ chuyên môn tiếp nhận và trả kết quả tại Trung

tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả theo quy trình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các Quyết định: số 487/QĐ-STNMT ngày 22/11/2019; số 100/QĐ-STNMT ngày 09/3/2020; số 114/QĐ-STNMT ngày 20/3/2020; số 591/QĐ-STNMT ngày 13/11/2020; số 625/QĐ-STNMT ngày 01/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Như điều 3;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- TT Công báo – Tin học Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP, TTH.

GIÁM ĐỐC

Hồ Huy Thành

**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày /6/2021
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ	
I	Lĩnh vực Đất đai		
1	Đăng ký đất đai lần đầu nhưng chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		4
2	Đăng ký đất đai đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý		4
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu	3	
4	Công nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức đang sử dụng đất nhưng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013	3	
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản đồng thời là người sử dụng đất	3	
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	3	
7	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	3	
8	Đăng ký, bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	3	
9	Xác nhận điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất cho Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở đầu tư xây dựng để bán		4
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán	3	
11	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	3	

12	Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng	3	
13	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	3	
14	Đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp	3	
15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	3	
16	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3	
17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty	3	
18	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	3	
19	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3	
20	Đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà không thay đổi mục đích sử dụng đất	3	
21	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	3	
22	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	3	
II	Lĩnh vực Môi trường		
1	Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại		4
2	Cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại		4
3	Chứng nhận cơ sở đã hoàn thành việc thực hiện các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng		4
4	Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp		4
5	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường		4

6	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án		4
7	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		4
8	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)		4
9	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản		4
III	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ / ngày đêm	3	
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	3	
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	3	
4	Gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	3	
5	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm	3	
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm	3	
7	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm	3	
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm	3	
9	Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	3	
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	3	
11	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	3	

12	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước		4
13	Cấp lại Giấy phép hoạt động tài nguyên nước (Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước)		4
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành		4
15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành		4
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước		4
IV	Lĩnh vực Khoáng sản		
1	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.	3	
2	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	3	
3	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.		4
4	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.	3	
5	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.		4
6	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	3	
7	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.		4
8	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	3	
9	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình.	3	
V	Lĩnh vực Khí tượng, Thủy văn		
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	3	
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.		4
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		4

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ÁP DỤNG CHO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ
1	Đăng ký đất đai lần đầu nhưng chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	3

2	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	3	
3	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	3	
4	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	3	
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	3	
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	3	
7	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	3	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	3	
9	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	3	
10	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	3	
11	Đăng ký đất đai đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	3	
12	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3	

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG